PHỤ LỤC 02

BÁO GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRONG TỈNH CÔNG BỐ THÁNG 10/2023

(Kèm theo Văn bản số: 144 /CBG-SXD ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Sở Xây dựng Lâm Đồng)

Đơn vị tính:VNĐ

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
	A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
I. GẠCH CÁC LOẠI																		
	GẠCH TUY NEN																	
1	**Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng. Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương-Phường 8.Tp Đà Lạt.Điện thoại: 0918 012 778-02633 525 888. Theo Công văn số 164/2023/CV-Cty ngày 12/06/2023 về việc báo giá sản phẩm.**																	
	Gạch Tuynel Hiệp Thành																	
	Gạch 6 lỗ dài 7,5x11x24 (cm)	viên	QCVN 16:2019/BXD	2.386		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho bên bán: Nhà máy Gạch Hiệp Thành: 14 Hiệp Thành, xã Tam Bố, huyện Di Linh,Tỉnh Lâm Đồng												
	Gạch góc 21 lỗ 7,5x11x24 (cm)	viên		3.432														
	Gạch ống 6 lỗ 7,5x11x17,5 (cm) A	viên		1.636														
	Gạch ống 6 lỗ 7,5x11x17,5 (cm) B	viên		1.391														
	Gạch ống 6 lỗ 7x 10x17 (cm)	viên		1.474														
	Gạch ống 4 lỗ 7,5x 7,5 x17,5 (cm) A	viên		1.145														
	Gạch ống 4 lỗ 7,5x 7,5 x17,5 (cm) B	viên		973														
	Gạch thẻ 2 lỗ 7,5x4x17,5 (cm)	viên		925														
	Gạch Tuynel Thạnh Mỹ					Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho bên bán: Xí nghiệp gạch ngói Tuynel Thạnh Mỹ, đường Trần Bình Trọng, huyện Đơn Dương,Tỉnh Lâm Đồng													
	Gạch ống 6 lỗ tròn (7,5x11x17,5) cm	viên	QCVN 16:2019/BXD															
	Gạch ống 6 lỗ tròn (7x 10x17) cm	viên		1.409														
	Gạch ống 4 lỗ tròn (7,5x11x17,5) cm	viên																
	Gạch ống 2 lỗ tròn (7,5x4x17,5) cm	viên		1.009														
2	**Công ty TNHH Tâm Hưng Phú. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Thuận Hà, xã Đạ Lây, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Điện thoại: 0633882678. Kèm theo Công văn số THP-SXD/1108 ngày 15/8/2023 của Công ty TNHH Tâm Hưng Phú. Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 15/8/2023. Ghi chú: Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu đăng ký giá bán buôn thực tế của mình cùng với giá bán lẻ khuyến nghị.**																	
	Gạch rỗng đất sét nung 2 lỗ (178x78x40)	viên	QCVN 16:2019/BXD	670		Đơn giá này chưa bao gồm phí VAT và phí vận chuyển												
	Gạch rỗng đất sét nung 4 lỗ (178x78x78)	viên		670														
	Gạch rỗng đất sét nung 6 lỗ (178x115x78)	viên		860														

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
II. ĐÁ CÁC LOẠI																		
1	**Công ty TNHH Hưng Nguyên, địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, phường 9, Tp Đà Lạt, điện thoại: 02633.824.063.Theo Bảng Giá Vật liệu ngày 05/01/2023, áp dụng giá bán từ tháng 01/2023 của Công ty TNHH Hưng Nguyên.**																	
	Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm, huyện Đơn Dương																	
	Đá Loka	m^3	QCVN 16:2019/BXD	300.000		Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm huyện Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển												
	Đá 1x2	m^3		390.000														
	Đá 2x4	m^3		370.000														
	Đá 0x4 qua Col	m^3		360.000														
	Đá 4x6	m^3		330.000														
	Đá 5x7	m^3		330.000														
2	**Công ty TNHH Khai thác Xây dựng Lộc Đại Phát. Địa chỉ Công ty: Thôn 3,xã Gia Hiệp, huyện Di Linh.Tỉnh Lâm Đồng. Địa điểm nơi sản xuất: mỏ đá thôn 3, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh.Tỉnh Lâm Đồng. Theo Bảng đơn giá các loại sản phẩm, đơn giá áp dụng bắt đầu từ ngày 01/10/2023 đến hết ngày 31/12/2023, những thay đổi về đơn giá đơn vị sẽ thông báo sau.**																	
	Đá 0x4 cm	m^3	QCVN 16:2019/BXD	234.000		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng: tại mỏ đá thôn 3, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh Tỉnh Lâm Đồng												
	Đá 0x2,5 cm	m^3		315.000														
	Đá 0,5 x1cm	m^3		234.000														
	Đá 5x7 cm	m^3		234.000														
	Đá 2x4 cm	m^3		315.000														
	Đá 1x2 cm	m^3		315.000														
3	**Công ty TNHH Vitrac Lâm Đồng, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT: 0918,741,189, địa điểm sản xuất tại mỏ cát lòng sông Đạ Huoai , huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, theo Bảng báo giá của Công ty có hiệu lực từ 01/01/2023 đến khi có báo giá mới.**																	
	Đá dăm được nghiền từ sỏi cuội																	
	Sỏi dăm 5x20mm	m^3	QCVN 16:2019/BXD	350.000		Đơn giá mỏ cát lòng sông Đạ Huoai , huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng												
	Sỏi dăm 5x10mm	m^3		350.000														
	Sỏi dăm 10x40mm	m^3		350.000														
4	**Công ty TNHH Sáng tạo và Phát triển DH, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT: 0948398398, địa điểm sản xuất tại mỏ cát lòng sông Đạ Quay, thôn 11, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng, theo Bảng báo giá của Công ty có hiệu lực từ 01/01/2023 đến khi có báo giá mới.**																	
	Đá dăm được nghiền từ sỏi cuội																	
	Sỏi dăm 5x20mm	m^3	QCVN 16:2019/BXD	350.000		Đơn giá tại mỏ cát lòng sông Đạ Quay, thôn 11, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng												
	Sỏi dăm 5x10mm	m^3		350.000														
	Sỏi dăm 10x40mm	m^3		350.000														
5	**Công ty TNHH Khai thác đá Thái Sơn, thôn 10B, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, số ĐT: 0986.092.279, địa điểm sản xuất tại thôn 10B, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Theo Bảng đơn giá các loại sản phẩm, đơn giá áp dụng bắt đầu từ ngày 01/10/2023 đến hết ngày 31/12/2023, những thay đổi về đơn giá đơn vị sẽ thông báo sau. Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ thôn 10B, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng**																	
	Đá 1x2 (cm)	m^3		318.182														

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)													GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
	Đá 0x4 (cm)	m^3	QCVN 16:2019/BXD	227.273		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ thôn 10B, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng												
	Đá mi	m^3		227.273														
	Đá local	m^3		190.909														
6	**Công ty TNHH Xây dựng Tín Thái. Địa chỉ: Mỏ đá thôn Gần Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Theo Bảng đơn giá các loại sản phẩm, đơn giá áp dụng bắt đầu từ ngày 01/10/2023 đến hết ngày 31/12/2023, những thay đổi về đơn giá đơn vị sẽ thông báo sau**																	
	Đá 1x2	m^3	QCVN 16:2019/BXD	336.364		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ đá thông Gần Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng												
	Đá 0x4	m^3		281.818														
	Đá 2x4	m^3		318.182														
	Đá 0x37,5	m^3		281.818														
	Đá 0x25	m^3		309.091														
	Đá 0,5 x1cm	m^3		254.545														
	Đá 4x6	m^3		281.818														
	Đá 5x7	m^3		281.818														
	Đá mi	m^3		281.818														
	Đá loca	m^3		254.545														
7	**Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Bảy Tài. Địa chỉ: Thôn 13, Xã Lộc Ngãi, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0983739040**																	
	Đá 1x2	m^3		327.273		Giá trên là giá tại mỏ được xúc lên xe cho bên mua tại địa chỉ: Thôn 13, Xã Lộc Ngãi, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng (cách ngã ba Tân Lâm 2km, cách UBND Huyện Di Linh 22km, UBND Huyện Bảo Lâm 20km)												
	Đá 2x4	m^3		272.727														
	Đá 0x4	m^3		236.363														
	Đa mi	m^3		236.363														
	Đá 4x6	m^3		272.727														
8	**Công ty TNHH Dương Phát. Địa chỉ 06B Nguyễn Đình Quân, Phường 5, tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Địa điểm sản xuất: mỏ đá thôn Đoàn Kết, xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng. Đơn giá áp dụng bắt đầu từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023, những thay đổi về đơn giá đơn vị sẽ thông báo sau**																	
	Đá 1x1,5 (cm)	m3		363.636		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ thôn Đoàn Kết, xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng												
	Đá 1x1,8 (cm)	m3		363.636														
	Đá 1x1,9 (cm)	m3		363.636														
	Đá 1x2 (cm)	m3		336.364														
	Đá 0x2,5 (cm)	m3		309.091														
	Đá 0x4 (cm)	m3		281.818														
	Đá mi sàng (0,5x1)	m3		254.545														
9	**Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt. Địa chỉ: 25 Trần Phú, P3, TP. Đà Lạt. Điện thoại: 02633.822243. Kèm theo CV số 91/DLR-HCQT ngày 04/10/2023, thời điểm mức giá có hiệu lực kể từ ngày gửi thông báo giá đến cơ quan chức năng quản lý nhà nước đến khi có thông báo mới**																	
	Đá xô bồ (10cm x 50cm)	m3		150.000		Giá bán tại mỏ đá P7 Thành phố Đà Lạt												
	Đá 1cm x 2cm	m3		373.000														
	Bộ đá	m3		209.000														
	Đá 0cm x 4cm	m3		309.000														

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
10	**Công ty TNHH Ngọc Bình. Địa chỉ trụ sở: Thôn 2, xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ sản xuất: Mỏ đá Ngọc Bình, xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0585.809.999. Kèm theo Bảng đơn giá các loại sản phẩm, thời điểm mức giá có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2023 đến khi hết ngày 31/12/2023**																
	Đá 1x2	m3		381.818		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ khai thác: Thôn 2, xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng													
	Đá 0x4	m3		327.273														
	Đá 0x25	m3		345.455														
	Đá 4x6	m3		290.909														
	Đá 0,5x1	m3		300.000														
11	**Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Khoáng sản Đức Phú. Địa điểm đặt trụ sở chính: Mỏ đá Thiện Chí, Thôn Thiện Chí, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ đặt nhà máy sản xuất: Mỏ đá Thiện Chí, Thôn Thiện Chí, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: Nhân viên phụ trách: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm - 0977544141. Kèm theo Công văn số 39/CV-ĐP ngày 04/9/2023 về việc đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa VLXD định kỳ tại Sở Xây dựng. Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 24/8/2023 đến khi có thông báo mới.**																
	Đá 1x2	m3		336.363		Đơn giá trên là đơn giá tại mỏ đá Thiện Chí, Thôn Thiện Chí, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, không bao gồm vận chuyển và các loại phí khác												
	Đá mi sàng	m3		254.545														
12	**Công ty TNHH Quốc Định. Địa chỉ trụ sở chính: Số 515, QL20, khu phố 4, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Địa điểm sản xuất: Xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Theo Bảng đơn giá các loại sản phẩm. Đơn giá áp dụng bắt đầu từ ngày 01/10/2023 đến hết ngày 31/12/2023. Những thay đổi về đơn giá đơn vị sẽ thông báo sau**																
	Đá 1x2	m3		318.182		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại xã N'Thôn Hạ, Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng													
	Đá 0x4	m3		263.636														
	Đá 0x37,5	m3		254.545														
	Đá 0x25	m3		290.909														
	Đá Local	m3		245.455														
III	**VẬT LIỆU CÁT**																	
1	**Công ty TNHH Hưng Nguyên, địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, phường 9, Tp Đà Lạt, điện thoại: 02633.824.063.Theo Bảng Giá Vật liệu ngày 05/01/2023, áp dụng giá bán từ tháng 01/2023của Công ty TNHH Hưng Nguyên.**																	
	Cát nhân tạo (nghiền qua Col)	m^3	QCVN 16:2019/BXD	530.000		Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm huyện Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển												
2	**Doanh nghiệp Tư nhân Ánh Tuyền, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT:0977,372,507, địa điểm sản xuất tại mỏ cát suối Đạ Tẻh, huyện Đạ Tẻh, theo bảng báo giá của Doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 cho đến khi có báo giá mới.**																	
	Cát bê tông	m^3	QCVN 16:2019/BXD	300.000		Đơn giá tại mỏ cát suối Đạ Tẻh, huyện Đạ Tẻh												
	Cát xây	m^3		300.000														
3	**Công ty TNHH Vitrac Lâm Đồng, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT: 0918,741,189, địa điểm sản xuất tại mỏ cát lòng sông Đạ Huoai , huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, theo Bảng báo giá của Công ty có hiệu lực từ 01/01/2023 đến khi có báo giá mới.**																	
	Cát bê tông	m^3	QCVN 16:2019/BXD	300.000		Đơn giá mỏ cát lòng sông Đạ Huoai , huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng												
	Cát xây	m^3		300.000														
4	**Công ty TNHH Sáng tạo và Phát triển DH, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT: 0948398398, địa điểm sản xuất tại mỏ cát lòng sông Đạ Quay, thôn 11, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng, theo Bảng báo giá của Công ty có hiệu lực từ 01/01/2023 đến khi có báo giá mới.**																	
	Cát bê tông	m^3	QCVN 16:2019/BXD	300.000		Đơn giá tại mỏ cát lòng sông Đạ Quay, thôn 11, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng												
	Cát xây	m^3		300.000														

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Gía tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Gía tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
5	**Công ty TNHH Tuấn Vượng 68. Địa chỉ: Số 72 Quốc lộ 27, thôn Phi Có, xã Đạ R'sal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Mỏ khai thác: Sông Ea Krong Nô, xã Đạ R'sal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại liên hệ: 0943.256.999. Theo bảng giá của công ty, đơn giá áp dụng bắt đầu từ ngày 01/10/2023 đến hết ngày 31/10/2023, những thay đổi về đơn giá đơn vị sẽ báo sau**																
	Cát xây	m3		245.000		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ khai thác: sông Ea Kroong Nô, xã Đạ R'sal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng												
	Cát tô	m3		280.000														
	Cát sỏi	m3		170.000														
6	**Công ty TNHH Khanh Luân Gia. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn An Phước, xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Địa điểm sản xuất: Xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Theo bảng đơn giá các loại sản phẩm. Đơn giá áp dụng bắt đầu từ ngày 01/10/2023 đến hết ngày 31/12/2023, những thay đổi về đơn giá đơn vị sẽ thông báo sau**																
	Cát tự nhiên	m3		345.454		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng												
7	**Hộ Kinh doanh Nguyễn Thị Dung. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Lán Tranh, xã Đưng K'Nớ, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Chủ hộ kinh doanh: Bà Nguyễn Thị Dung. Điện thoại: 0377.806.680. Theo bảng đơn giá các loại sản phẩm, đơn giá này bắt đầu áp dụng từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023. Những thay đổi về đơn giá, đơn vị sẽ thông báo sau.**																
	Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa	m3		245.000		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc vác lên phương tiện của khách hàng tại mỏ cát lòng suối Đắk Heur thuộc xã Lát và xã Đưng K'Nớ, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng												
8	**Công ty TNHH Lê Văn Oai Lâm Đồng. Địa chỉ trụ sở chính: Số 27/4 đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ sản xuất: Thị trấn D'ran và xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Đơn giá áp dụng bắt đầu từ ngày 01/9/2023 đến hết ngày 30/12/2023. Những thay đổi về đơn giá đơn vị sẽ thông báo sau**																
	Cát tự nhiên	m3		272.727		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại thị trấn D'ran và xã Lạc Xuân, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng												
IV	**ĐẤT SAN LẤP**																	
	Doanh nghiệp Tư nhân Ánh Tuyền, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT: 0977.372.507, theo bảng báo giá của Doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 cho đến khi có báo giá mới.																
	Đất cấp II	m^3		35.000														
	Đất cấp III	m^3		49.000														
V	**BÊ TÔNG NHỰA ĐƯỜNG**																	
1	**Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng, Mỏ đá Hùng Vương, Tam Bố, Di Linh .Tỉnh Lâm Đồng.Điện thoại: 0919.706.065.Theo Bảng báo giá Bê tông nhựa nóng ngày 07/01/2023 của Công ty. Đơn giá có hiệu lực từ ngày 07/01/2023 cho đến khi có thông báo mới**																	
	1. Trạm trộn Tam Bố - Di Linh					Đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến chân công trình												
	Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn		1.380.000														
	Bê tông nhựa nóng hạt mịn C 12.5	đồng/tấn		1.430.000														
	2. Trạm trộn Tân Hà - Lâm Hà					Đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến chân công trình												
	Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn		1.430.000														
	Bê tông nhựa nóng hạt mịn C 12.5	đồng/tấn		1.480.000														
	3.Trạm trộn Liêng Srônh-Đam Rông																	

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
	Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn		1.480.000		Đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến chân công trình												
	Bê tông nhựa nóng hạt mịn C 12.5	đồng/tấn		1.530.000														
VI	**BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM**																	
1	**Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng. Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương-Phường 8.Tp Đà Lạt.Điện thoại: 0918 012 778-02633 525 888. Theo Công văn số 164/2023/CV-Cty ngày 12/06/2023 về việc báo giá sản phẩm.**																	
	1.1 Bê tông trộn sẵn (Mẫu đúc lập phương 15x15x15cm)																	
	Khu vực Đà Lạt																	
	Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)			1.418.182	Chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn Cam Ly (đường Nguyễn Đình Quân-Phường 5-Tp Đà Lạt) đến công trình trong bán kính 10 km.											
	Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3				1.463.636												
	Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3				1.509.091												
	Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3				1.554.545												
	Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3				1.609.091												
	Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3				1.677.273												
	Bê tông M400-R28 đá 1x2 độ sụt: 16±2cm	đ/m^3				1.809.091												
	Khu vực Huyện và Bảo Lộc																	Địa bàn áp dụng: Bảo Lộc, Bảo Lâm, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Đạ Huoai
	Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)	1.204.545			Chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn Tây Đại Lào, thành phố Bảo Lộc đến chân công trình trong bán kính 10km											
	Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3		1.250.000														
	Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3		1.295.455														
	Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3		1.340.909														
	Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3		1.409.091														
	Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m3		1.522.727														
	Khu vực Đức Trọng, Di Linh, N' Thôn Hạ																	Địa bàn áp dụng: Đức Trọng, Đơn Dương, Đam Rông, Di Linh, Bảo Lâm, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Đạ Huoai
	Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)	1.250.000			Chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn gần nhất (Trạm Hiệp An, Trạm N'Thol Hạ, Trạm Tam Bố...) đến chân công trình trong bán kính 10km											
	Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3		1.295.455														
	Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3		1.340.909														
	Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3		1.390.909														
	Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m^3		1.454.545														

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
	Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m3		1.545.455														
VII	**Ống cống bê tông**																	
1	**Công ty CP cấu kiện bê tông Quốc Vương, Địa chỉ :10 Thi Sách, Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng,điện thoại:0907.011.699.779 hoặc 0903.195.165. Theo báo giá số 1223/SXD-KTXD ngày 01/02/2023 của Công ty. Đơn giá có hiệu lực từ ngày 01/02/2023 đến khi có báo giá mới.**																	
	Trụ sở chính: Số 10 Thi Sách, TT. Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng																	
	- Địa chỉ xưởng sản xuất 1: Km178 thôn Hiệp Hòa, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng.Tỉnh Lâm Đồng																	
	- Địa chỉ xưởng sản xuất 2: CN 11, KCN Lộc Sơn.TP Bảo Lộc.Tỉnh Lâm Đồng																	
	Số điện thoại: 02633,994,995 hoặc 0903195165																	
	A. Cống rung ép (Giá tại xưởng SX 1: Đức Trọng, Lâm Đồng)																	
	Ống cống bê tông rung ép Ø 400-VH	mét		440.000	Đơn giá tại nhà xưởng sản xuất 1: KM178 thôn Hiệp Hòa, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng (chưa bao gồm vận chuyển và phí cẩu lên xe).													
	Ống cống bê tông rung ép Ø 400-H10	mét		495.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 400-H30	mét		555.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 600-VH	mét		680.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 600-H10	mét		720.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 600-H30	mét		790.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 800-VH	mét		985.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 800-H10	mét		1.090.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 800-H30	mét		1.190.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1000-VH	mét		1.485.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1000-H10	mét		1.610.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1000-H30	mét		1.740.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1200-VH	mét		2.475.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1200-H10	mét		2.745.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1200-H30	mét		2.970.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1500-VH	mét		3.555.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1500-H10	mét		3.915.000														
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1500-H30	mét		4.275.000														
	B. Cống ly tâm (Giá tại xưởng SX 2: Tp Bảo Lộc, Lâm Đồng)																	
	Ống cống bê tông ly tâm Ø 600-H10.L=4m	mét		775.000	Đơn giá tại nhà xưởng sản xuất: CN11, Khu Công nghiệp Lộc Sơn.TP Bảo Lộc. Tỉnh Lâm Đồng (chưa bao gồm vận chuyển và phí cẩu lên xe).													
	Ống cống bê tông ly tâm Ø 600-H30.L=4m	mét		865.000														
	Ống cống bê tông ly tâm Ø 800-H10.L=4m	mét		1.165.000														
	Ống cống bê tông ly tâm Ø 800-H30.L=4m	mét		1.280.000														

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
	Ống cống bê tông ly tâm Ø 1000-H10,L=4m	mét		1.685.000														
	Ống cống bê tông ly tâm Ø 1000-H30,L=4m	mét		1.785.000														
2	**Công ty TNHH Hưng Nguyên, địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, phường 9, Tp Đà Lạt, điện thoại: 02633.824.063.Theo Bảng Giá Vật liệu ngày 05/01/2023, áp dụng giá bán từ tháng 01/2023 của Công ty TNHH Hưng Nguyên.**																	
	Ống cống ly tâm:																	
	Ống cống Ø 800 dày 80mm-VH, L=3m	mét	TCVN 9113:2012	1.440.000														
	Ống cống Ø 800 dày 80mm-H10 , L=3m	mét		1.580.000														
	Ống cống Ø 800 dày 80mm-H30 , L=3m	mét		1.690.000														
	Ống cống Ø 1000 dày 90mm-VH , L=3m	mét		2.030.000														
	Ống cống Ø 1000 dày 90mm-H10 , L=3m	mét	TCVN 9113:2012	2.170.000														
	Ống cống Ø 1000 dày 90mm-H30 , L=3m	mét		2.280.000														
	Ống cống Ø 1200 dày 120mm-VH, L=3m	mét		2.910.000														
	Ống cống Ø 1200 dày 120mm-H10, L=3m	mét		3.190.000														
	Ống cống Ø 1200 dày 120mm-H30, L=3m	mét	TCVN 9113:2012	3.400.000														
	Ống cống Ø 1500 dày 130mm-VH L=2,5m	mét		3.980.000														
	Ống cống Ø 1500 dày 130mm-H10 , L=2,5m	mét		4.500.000														
	Ống cống Ø 1500 dày 130mm-H30 , L=2,5m	mét		4.590.000														
	Gía bán tại mỏ đá Lạc Lâm, Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển																	
VII	**Vật liệu cửa**																	
1	**Công ty TNHH TRẦN HOÀNG Đà Lạt. Địa chỉ: 218 Nguyên Tử Lực, P8,Tp Đà Lạt. Xưởng sản xuất: 355 Nguyên Tử Lực, P8.Tp Đà Lạt.Điện thoại:0935.913.123 (Mr.Thuận), theo báo giá ngày 05/01/2023. Đơn giá có giá trị 12 tháng kể từ ngày 01/01/2023**																	
	Cửa nhựa lõi thép Sea Profile					**Đơn giá đã thi công hoàn thiện, công trình tại tỉnh Lâm Đồng, đã tính vật tư phụ kiện kèm theo.**													
	Cửa đi 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m^2				2.389.000												
	Cửa đi 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m^2				2.389.000												
	Cửa đi 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m^2				2.463.000												
	Cửa sổ 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m^2				2.389.000												
	Cửa sổ 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m^2				2.156.000												

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)													GHI CHÚ
				Gía tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Gía tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
	Cửa sổ 3 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m^2				2.156.000												
	Cửa sổ 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m^2				2.156.000												
	Cửa nhôm Xingfa German hệ 55																	
	Cửa đi 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 2mm	m^2				3.198.000												
	Cửa đi 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 2mm	m^2				3.198.000												
	Cửa đi 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 2mm	m^2				3.198.000												
	Cửa sổ 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 1,4mm	m^2				2.973.000												
	Cửa sổ 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 1,4mm	m^2				2.973.000												
	Cửa sổ 3 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 1,4mm	m^2				2.973.000												
	Cửa sổ 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 1,4mm	m^2				2.973.000												
	Cửa nhôm Germany hệ 900 và hệ 760																	
	Cửa đi 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.8mm	m^2				3.898.000												

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
	Cửa đi 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.8mm	m^2				3.898.000												
	Cửa đi 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.8mm	m^2				3.898.000												
	Cửa sổ 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.2mm	m^2				3.473.000												
	Cửa sổ 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.2mm	m^2				3.473.000												
	Cửa sổ 3 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.2mm	m^2				3.473.000												
	Cửa sổ 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.2mm	m^2				3.473.000												
	Cửa cuốn nhôm công nghệ Đức 10kg/1m2 Ausdow	m^2				2.850.000												